**XÂY DỰNG MA TRẬN, ĐẶC TẢ ,ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 8**

**Nhóm thực hiện: Huyện Lạng Giang**

***Bắc Giang, tháng 8 năm 2022***

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT  **TRƯỜNG THCS** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Phân môn: Địa lí 8**  **Năm học:**  *Thời gian làm bài 45 phút* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | |
| **1** | **Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam** | – Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ  – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam | 2 TN (0,5đ) | 1 TL\*(1,5đ) |  | 5%-20% |
| **2** | **Đặc điểm địa hình và khoáng sản Việt Nam.** | – Đặc điểm chung của địa hình  – Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình  – Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế  – Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu | 6 TN (1,5đ) | 1 TL\*(1,5đ) | 1 TL(1,5đ) | 30%-45% |
| **Số câu** | | | 8 TN | 1 TL | 1 TL | 10 |
| **Tỉ lệ** | | | **20%** | **15%** | **15%** | **50%** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT  **TRƯỜNG THCS** | **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Phân môn: Địa lí 8**  **Năm học:**  *Thời gian làm bài 45 phút* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** |  | |
|  | | **Phân môn Địa lí** |  |  | | | | |
| **1** | **Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam** | – Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ  – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam | **Nhận biết**  - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.  **Thông hiểu**  - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. | 2 TN (0,5đ) | 1 TL\*(1,5đ) |  | 5%-20% | |
| **2** | **Đặc điểm địa hình và khoáng sản Việt Nam.** | – Đặc điểm chung của địa hình  – Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình  – Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế  – Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu | **Nhận biết**  - Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người.  - Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa.  **Thông hiểu**  - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.  - Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.  **Vận dụng**  - Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. | 6 TN (1,5đ) | 1 TL\*(1,5đ) | 1 TL(1,5đ) | 30%-45% | |
| **Số câu** | | | | 8 TN | 1 TL | 1 TL | 10 | |
| **Tỉ lệ** | | | | **20%** | **15%** | **15%** | **50%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT  **TRƯỜNG THCS**  **Mã đề:**  (Đề kiểm tra có **01** trang) | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Phân môn: Địa lí 8**  **Năm học:**  *Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề* |

**I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)**

**Câu 1.** Diện tích đất tự nhiên của nước ta là

**A.** 331.212. km2. **B.** 331.213. km2.

**C.** 331.214. km2. **D.** 331.215. km2.

**Câu 2.** Điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh

**A.** Lào Cai. **B.** Hà Giang.

**C.** Bắc Giang. **D.** Lạng Sơn.

**Câu 3.** Địa hình thấp dưới 1000m chiếm khoảng bao nhiêu % của phần đất liền Việt Nam?

**A.** 55. **B.** 65. **C.** 75. **D.** 85.

**Câu 4.**  Vùng núi Đông Bắc là một vùng đồi núi

**A.** thấp. **B.** trung bình. **C.** khá cao. **D.** cao.

**Câu 5.** Dãy núi cao nhất nước ta là

**A.** Pu Sam Sao. **B.** Pu Đen Đinh.

**C.** Hoàng Liên Sơn. **D.** Trường Sơn Bắc.

**Câu 6.** Địa hình chủ yếu trong cấu trúc địa hình của phần đất liền Việt Nam là

**A.** đồi núi. **B.** đồng bằng.

**C.** đồi trung du. **D.** bán bình nguyên.

**Câu 7.** Vùng núi Tây Bắc nằm giữa hai con sông

**A.** sông Đà và sông Mã. **B.** sông Đà và sông Cả.

**C.** sông Hồng và sông Mã.  **D.** sông Hồng và sông Cả.

**Câu 8.** Địa hình nước ta có hai hướng chủ yếu là

**A.** vòng cung và tây-đông.

**B.** tây-đông và bắc – nam.

**C.** tây bắc- đông nam và tây-đông

**D.** tây bắc- đông nam và vòng cung.

**II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)**

**Câu 1. (1.5 điểm)**

Chứng minh nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng? Tại sao nước ta lại có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng như vây?

**Câu 2.** **(1.5 điểm)**

Tìm ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.

*.............Hết..........*

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT  **TRƯỜNG THCS** | **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Phân môn: Địa lí 8**  **Năm học:**  *Hướng dẫn chấm có 1 trang* |

**Phần Địa lí**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Trắc nghiệm** | | |
| **Mã đề :**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Đáp án | **A** | **B** | **D** | **A** | **C** | **A** | **D** | **D** | | | Mỗi đáp án đúng được **0,25 đ** |
| **II. Tự Luận** | | |
| **Câu 1**  **( 1.5 đ)** | **\* Chứng minh nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng:**  - Trên lãnh thổ (đất liền và biển- đảo) có khoảng 5000 điểm quặng và tụ khoáng của gần 60 loại khoáng sản khác nhau như: Than, dầu khí, sắt, apatit,…  - Một số khoáng sản có trữ lượng lớn là than, dầu khí, apatit, đá vôi, sắt, bô xít, crom,… | **0.5đ**  **0.25đ** |
| **\*Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng vì:**  - Lịch sử phát triển của tự nhiên qua hàng trăm triệu năm.  - Cấu trúc địa chất phức tạp.  - Vị trí nằm ở khu vực giao nhau của hai vành đai sinh khoáng lớn của thế giới là Địa Trung Hải và Thái Bình Dương. | **0.25đ**  **0.25đ**  **0.25đ** |
| **Câu 2**  **( 1.5 đ)** | **\*Ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên.**  - **Hs** chỉ cần lấy được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của một dạng địa hình.  *(Ví dụ: - Địa hình vùng núi:*  *+ Vùng núi Đông Bắc: Núi trung bình và núi thấp*  *+ Vùng núi Tây Bắc: Núi cao hiểm trở.)* | **0.75 đ** |
| \***Ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với khai thác kinh tế.**  - **Hs** chỉ cần lấy được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của một dạng địa hình đối với khai thác kinh tế.  *(Ví dụ: - Địa hình vùng núi:*  *+Thuận lợi: Trồng cây công nghiệp, trồng rừng, chăn nuôi gia súc*  *+Khó khăn: Giao thông đi lại hiểm trở. ảnh hưởng tới phát triển kinh tế)* | **0.75 đ** |

...*.......Hết..........*